

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025
về việc phê duyệt các quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình
giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch,
chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp
và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 267+268)

Phụ lục III**A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CẤP THÀNH PHỐ**

2. Quy trình: Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-94)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ Xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân xin trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước. Công chức Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i>

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X
	Hộ chiếu		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin trở lại quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau: a) Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; b) Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó. Trường hợp thông tin về tình trạng quốc tịch Việt Nam trước đây của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có thể khai thác được tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cơ quan tiếp nhận không yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp các giấy tờ nêu trên.		X

	- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + <i>Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i> + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước CHXHCN Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc được Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho CHXHCN Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được Giải thưởng quốc tế, Huân chương, Huy chương hoặc được Cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và Cơ quan quản lý nhà nước cấp Bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.		X
--	--	--	---

	- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.		X
	<i>- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i> <i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i>		X
	- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định		X

	của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng. + Bản cam kết về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nước CHXHCN Việt Nam.		
	- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo qui định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch ra tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch.		X
	Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp		

3.6	Lệ phí			
	2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ

B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Công văn gửi Công an Thành phố kèm theo Hồ sơ

B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Xác minh về nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư Sở chuyển công chức Phòng HCTP kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam	Văn thư Sở	04 giờ	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Kết quả xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B10	Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B11	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B12	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét đề xuất gửi Bộ Tư pháp hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ

B13	Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, nếu xét thấy người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người đó để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ Tư pháp	20 ngày	Thông báo để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài
B14	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp		Tờ trình xem xét, quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.
B15	Chủ tịch Nước quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Chủ tịch Nước	20 ngày	Quyết định
B16	Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định và gửi 01 bản sao cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết.	Bộ Tư pháp		Bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B17	Văn thư nhận Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam
B18	Công chức dự thảo Công văn gửi UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam; trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch
B19	Công chức vào Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết và dự thảo thông báo UBND cấp huyện, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh và trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Sổ theo dõi, quản lý, thống kê các việc quốc tịch đã giải quyết. - Dự thảo thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.

B20	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở ký Văn bản gửi UBND cấp huyện, UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ) - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.1). - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT- 2024- ĐXTLQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL).			

Ảnh 4 x 6
(chụp chưa
quá 6
tháng)

Mẫu TP/QT-2024- ĐXTLQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh (3)* :

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5).....
(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm.....
của.....).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự
nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước
đây là:

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Nơi cư trú:

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

.....

Nơi cư trú:

.....

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

.....

Con thứ.....:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

-

Chú thích:

(*) : Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Trường hợp xin trở lại/nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam thì lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam thì lựa chọn tên gọi Việt Nam.

(8) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-ĐXTLQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Nơi sinh (2)* :

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:

do:, cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
đã từng được cấp (nếu có):

Nơi sinh (2)* :

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5).....

(theo Quyết định số:.....ngày.....tháng..... năm.....

của.....)

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

.....

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có) ☐	Tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....(7) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày..... tháng năm.....

-
-
-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ “đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài”.

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH**Người cha:**

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....
Quốc tịch*:.....
Nơi cư trú hiện nay*:.....
.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....
Quốc tịch*:.....
Nơi cư trú hiện nay*:.....
.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....
Quốc tịch*:.....
Nơi cư trú hiện nay*:.....
.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....
Quốc tịch*:.....
Nơi cư trú hiện nay*:.....

Anh/chị/em thứ:

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

3. Quy trình: Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-95)

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước Công chức Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i>

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam	X	
	Bản khai lý lịch	X	
	<i>Giấy tờ chứng minh người xin thôi quốc tịch Việt Nam có quốc tịch Việt Nam là bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân, Thẻ căn cước, Căn cước điện tử, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người xin thôi quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i>		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (<i>Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin thôi quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ</i>); Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài theo điểm d khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp).		X
	Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục Thuế thành phố Hà Nội nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp	X	

	Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 05 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.	X	
	<i>Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i> <i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i>		X
	- Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X

	- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. - Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền) Việc đăng tải thông tin người xin thôi quốc tịch Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. Việc đăng tải thông tin này không làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, nếu phát hiện thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 thì tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh với Sở Tư pháp. Trường hợp hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam đã chuyển lên Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Bộ Tư pháp.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp		
3.6	Lệ phí		
	2.500.000 đồng.		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Công dân lựa chọn cách thức: - Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa; hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền. - Nộp hồ sơ qua bưu chính;	Công dân	Trong giờ hành chính	Theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/ Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức nêu lý do	Trưởng Phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Thông báo, Công văn kèm theo Hồ sơ
B6	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam và Công văn đề nghị xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam; Công văn
B9	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh về nhân thân
B10	Văn thư Sở chuyển Phòng HCTP Kết quả xác minh về nhân thân từ Công an Thành phố	Văn thư Sở	04 giờ	Kết quả xác minh về nhân thân

B11	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết
B12	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do.	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Tờ trình kèm Hồ sơ
B13	Trưởng phòng HCTP trình Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	01 ngày	Tờ trình kèm Hồ sơ
B14	UBND Thành phố xem xét và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND Thành phố	05 ngày	Công văn của UBND Thành phố
B15	Bộ Tư pháp ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Nước xem xét, quyết định về việc thôi quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	20 ngày	Tờ trình
B16	Chủ tịch Nước xem xét, quyết định	Chủ tịch Nước	20 ngày	Quyết định

B17	Bộ Tư pháp gửi cho người được thôi quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, gửi 01 bản cho UBND Thành phố. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.	Bộ Tư pháp		Bản sao Quyết định thôi quốc tịch Việt Nam
B18	Văn thư Sở Tư pháp nhận Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam chuyển công chức Phòng HCTP, dự thảo Công văn đề nghị UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam
B19	Ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trường hợp Sở Tư pháp đã đăng ký khai sinh trước đây của người được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh và dự thảo văn bản đề nghị ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh - Văn bản thông báo cho UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
B20	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở Tư pháp ký thông báo đến UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo
B21	Công chức Phòng HCTP lấy số, đóng dấu và phát hành thông báo	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Thông báo
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTQT.1) - Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTQT.2) - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL)			

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (5):/...../.....

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

Tôi cũng xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Nơi sinh (2) * :

Nơi đăng ký khai sinh (3) * :

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên:.....Giới tính* :

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/ Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Nơi sinh (2) * :

Nơi đăng ký khai sinh (3) * :

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:.....,
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Con thứ.....:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách
nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

-

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La Tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(6) Trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-ĐXTQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Nơi sinh (2)* :

Quốc tịch* :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú* :.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự
nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
cho phép người có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam.

Người xin thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Nơi sinh (2)*:

Nơi đăng ký khai sinh (3)*:

Số Hộ chiếu Việt Nam:.....do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có) (4):

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (5):

Lý do xuất cảnh:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (5):.....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

....., ngày..... tháng..... năm.....

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

-

.....

-

.....

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Quốc tịch nước ngoài (nếu có) được ghi chính xác theo tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La Tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(5) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Mẫu TP/QT-2024-BKLL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Nơi làm việc:

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

[illegible]

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH**Người cha:**

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

.....

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

.....

Con thứ:

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

Quốc tịch*::.....

Nơi cư trú hiện nay*::.....

.....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính*::.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

Anh/chị/em thứ

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

4. Quy trình: Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (QT-96)

1	Mục đích Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
2	Phạm vi Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng	X	
	+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, <i>Thẻ Căn cước</i>, <i>Căn cước điện tử</i>, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp;		X
	+ Giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quốc tịch Việt Nam của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		X
	- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	- Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP: + Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;	X	
	+ Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, <i>Thẻ căn cước</i>, <i>Căn cước điện tử</i>, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.		X
	+ Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: Bản sao các giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến ngày 01/7/2009, trong	X	

	đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30/4/1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam.		
	- Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. - Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 20 ngày đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam - 55 ngày đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền		
3.6	Lệ phí		
	100.000 đồng. Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.		

3.7 Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua bưu chính.	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	01 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	01 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	

B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết, công chức trả lại hồ sơ kèm Thông báo nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung gửi cho cá nhân - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu tiến hành bước tiếp theo.	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ	
B5	Hoàn thiện hồ sơ, trình Trưởng phòng HCTP: - Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, dự thảo Công văn gửi Bộ Tư pháp kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì dự thảo Công văn gửi Bộ Tư pháp và Công an cấp tỉnh nơi người yêu cầu cư trú của người đó ở Việt Nam để tiến hành xác minh. - Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ thì dự thảo Công văn đề nghị các cơ quan liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh	Công chức Phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	

B6	Trưởng Phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	01 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ	
B7	Lãnh đạo Sở Tư pháp ký Công văn gửi Bộ Tư pháp xác minh Công văn được tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Công văn gửi Bộ Tư pháp xác minh	
B8	<i>- Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:</i> + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam. + Trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh; trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết		18 ngày	Công văn	

	quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.				
	<i>- Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ xác định có quốc tịch Việt Nam theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:</i> + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp chủ động tra cứu hoặc đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam. + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu; trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.		53 ngày		

B9	Bộ Tư pháp, Công an Thành phố gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp Công an TP		Kết quả xác minh	
B10	Công chức nhận Kết quả xác minh: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, trình ký gửi cho cá nhân. - Đối với hồ sơ đạt yêu cầu: trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	02 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B11	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	01 giờ	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
	+ Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam				

B12	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận. Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 giờ	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B13	Công chức phòng HCTP lấy số, đóng dấu và bàn giao kết quả cho Bộ phận Một cửa	- Văn thư Sở - Bộ phận Một cửa	01 giờ	- Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
4	BIỂU MẪU				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	- Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-TKXNCQTVN); - Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNCQTVN.2).				
	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL)				
	Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-XNCQTVN)				

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-TKCGXNQTVN.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác
minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp cho tôi Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-TKCGXNQTVN.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để phục vụ việc xác minh quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho (7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

Mẫu TP/QT-2024-XNCQTVN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (1)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../XNCQTVN

....., ngàytháng.....năm.....

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

GIẤY XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

..... (2)

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về việc xác nhận có quốc tịch
Việt Nam cho (4).....

XÁC NHẬN:

Họ, chữ đệm, tên (4):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Nơi sinh (5):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Có quốc tịch Việt Nam.

Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam có giá trị sử dụng kể từ ngày được cấp
cho đến thời điểm thay đổi thông tin quốc tịch Việt Nam./.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) (2) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và Sở Tư pháp (Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI - dòng trên - SỞ TƯ PHÁP - dòng dưới); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên Cơ quan đại diện và tên nước trụ sở Cơ quan đại diện (Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC).

(3) Nếu là nam thì gạch chéo (bà), nữ thì gạch chéo (ông) và ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của công chức được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.

(4) Ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, công chức làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho NGUYỄN THỊ HOA.

(5) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

5. Quy trình: Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (QT-97)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

	- Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam	X	
	03 ảnh 4x6 giống nhau, chụp chưa quá 06 tháng	X	
	Giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, <i>Thẻ Căn cước</i> , <i>Căn cước điện tử</i> , giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	<i>Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ để chứng minh người đó khi sinh ra có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i>		X
	<i>Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam.</i>		X

	Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn; Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.				
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	05 ngày làm việc				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cấp có thẩm quyền				
3.6	Lệ phí				
	100.000 đồng. Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc tại địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi qua hệ thống bưu chính tại Bộ phận Một cửa	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần hồ sơ theo Mục 3.2	

B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ; số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ	
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	
B4	Công chức thụ lý hồ sơ thẩm định: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức trả lại hồ sơ kèm theo Thông báo bằng văn bản gửi cho cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu: trình Trưởng Phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	- Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ - Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ được thẩm định	

B5	Trưởng Phòng HCTP xem xét dự thảo Giấy xác nhận và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức thẩm định, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Giấy xác nhận	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Giấy xác nhận kèm theo Hồ sơ	
B7	Công chức Phòng HCTP lấy số, đóng dấu và bàn giao Bộ phận Một cửa Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
B8	Bộ phận Một cửa trả Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho công dân	Bộ phận Một cửa	04 giờ	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	
4	BIỂU MẪU				
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	- Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-TKXNNGVN.1); - Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (TP/QT-2024-TKXNNGVN.2).				
	Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (TP/QT-2024-XNNGVN).				

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi (1):

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
đã từng được cấp (nếu có):.....

Nơi sinh (3) * :

Nơi đăng ký khai sinh (4) * :

Quốc tịch (5) * :

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú * :.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6):/...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó là con, cháu của người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của những người này cũng được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ thay thế theo quy định:

- 1,.....
- 2,.....
- 3,.....
- 4,.....
- 5,.....

Đề nghị(1) cấp cho tôi Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu theo (Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a. Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là
người gốc Việt Nam cho người được đại diện)**

Kính gửi (1):

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi đề nghị
cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người có tên
dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên (2):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):

.....
 Nơi sinh (3)*:

Nơi đăng ký khai sinh (4)*:

Quốc tịch (5)*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú *:.....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh (nếu có) (6): .../...../.....

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có) (6):.....

.....

Giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc giấy tờ chứng minh người đó là con, cháu của người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của những người này cũng được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc các giấy tờ thay thế theo quy định.

1,.....

2,.....

3,.....

4,.....

5,.....

Đề nghị(1) cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho (7).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình./.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Tên cơ quan thụ lý hồ sơ.

(2) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(3) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(5) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch.

(6) Trường hợp xuất cảnh nhiều lần thì ghi ngày, tháng, năm xuất cảnh và địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh của lần xuất cảnh lần đầu.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2024-XNNGVN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (1)

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../XNNGVN

....., ngàytháng.....năm.....

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

GIẤY XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

..... (2)

Căn cứ quy định pháp luật quốc tịch Việt Nam;

Xét đề nghị của ông/bà (3):

..... về việc xác nhận là người gốc Việt
Nam cho (4).....**XÁC NHẬN:**

Họ, chữ đệm, tên (4):Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Nơi sinh (5):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú:.....

Là người gốc Việt Nam.**NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1) (2) Ghi tên cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam: nếu là Sở Tư pháp thì ghi tên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố và Sở Tư pháp (Ví dụ: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI - dòng trên - SỞ TƯ PHÁP - dòng dưới); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi tên Cơ quan đại diện và tên nước trụ sở Cơ quan đại diện (Ví dụ: ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CHLB ĐỨC).

(3) Nếu là nam thì gạch chéo (bà), nữ thì gạch chéo (ông) và ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của công chức được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết hồ sơ.

(4) Ghi họ, chữ đệm, tên (bằng chữ in hoa, có dấu) của người được cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế.

(3)+(4) Ví dụ: Xét đề nghị của ông NGUYỄN HÀ, công chức làm công tác quốc tịch của Sở Tư pháp, về việc cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho NGUYỄN THỊ HOA.

(5) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài). Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

Phụ lục IV**A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP THÀNH PHỐ**
III. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**1. Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (QT-87)**

1	Mục đích: Quy trình này quy định trình tự và cách thức Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng
2	Phạm vi: Áp dụng giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nuôi con nuôi.</i> - Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	- Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - <i>Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;</i> - <i>Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.</i>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi do nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp		
	1. Giấy khai sinh		X
	2. Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu		X

	3. Giấy khám sức khỏe do Cơ quan Y tế cấp huyện trở lên cấp	X	
	4. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng	X	
	5. Biên bản xác nhận do UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Bản án hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.	X	
	6. Quyết định tiếp nhận trẻ em vào Cơ sở nuôi dưỡng	X	
	7. Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em	X	
	- Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em theo quy định nhưng không thành đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu.	X	
	- Trường hợp nhận đích danh trẻ em là anh, chị, em ruột của con nuôi trước đó Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người nhận con nuôi nhận con nuôi trước đó và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.	X	
	Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ qua bưu điện đến Sở Tư pháp		
	1. Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, song ngữ Việt - Anh)	X	
	2. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế		X

	3. Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam	X	
	4. Bản điều tra về tâm lý, gia đình	X	
	5. Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe	X	
	6. Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản	X	
	7. Phiếu Lý lịch tư pháp	X	
	8. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: - Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn - Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
	- Giấy xác nhận của <i>Công an cấp xã nơi người nhận con nuôi</i> cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác chứng minh người nhận con nuôi <i>thuộc diện</i> là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại <i>Bộ Tư pháp</i> (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm).		
	Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa của UBND Thành phố để UBND Thành phố xem xét, quyết định		
	- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi - Hồ sơ của người nhận làm con nuôi		
	Lưu ý: Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp phải được: - Hợp pháp hoá lãnh sự tại Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà CHXH Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. - Dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo pháp luật Việt Nam về chứng thực chữ ký. *) <i>Giấy tờ có trong hồ sơ của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, cấp, xác nhận mà bị</i>		

	<i>tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc thông tin trong các văn bản, giấy tờ được khai không đúng sự thật thì không có giá trị sử dụng. Người thực hiện hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc khai thông tin không đúng sự thật bị xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.</i>		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	Hồ sơ của người nhận con nuôi: 02 bộ. Hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi: 03 bộ hồ sơ nộp cho Sở Tư pháp và 01 bản chụp bộ hồ sơ khi nộp hồ sơ người nhận con nuôi tại <i>Bộ Tư pháp</i> (đối với trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi).		
3.4	Thời hạn giải quyết		
	- Thời gian <i>Sở Y Tế hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi</i>: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian <i>Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan</i>: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài</i>: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của <i>Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi</i>. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của <i>Sở Tư pháp</i>. <i>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan</i>: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với <i>Sở Tư pháp</i>) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của <i>Sở Tư pháp</i> (đối với <i>Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em</i>).		

	- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí. - Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do <i>Sở Tư pháp</i> trình. - Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản không đồng ý. - Thời gian <i>Sở Tư pháp</i> chuyển cho <i>Bộ Tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của <i>Sở Tư pháp</i>. - Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> thông báo cho <i>Sở Tư pháp</i>: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do <i>Sở Tư pháp</i> trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của <i>Sở Tư pháp</i> hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi do nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp tại Bộ phận Một cửa của <i>Sở Tư pháp</i> hoặc địa điểm Tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền

	- Hồ sơ của người nhận con nuôi nộp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tư pháp sau đó Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ qua bưu điện đến Sở Tư pháp - Hồ sơ do công chức Sở Tư pháp nộp tại Bộ phận Một cửa/Văn thư của UBND Thành phố để UBND Thành phố xem xét, quyết định - Trao Quyết định nuôi con nuôi và Lễ giao, nhận con nuôi tại Sở Tư pháp			
3.6	Lệ phí: Người nhận con nuôi nộp lệ phí tại Bộ Tư pháp			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nhân viên Cơ sở nuôi dưỡng hoặc công chức Sở Y tế nộp hồ sơ của trẻ em cần tìm gia đình tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Hồ sơ của trẻ em
B2	Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi qua bưu điện đến Văn thư của Sở Tư pháp	Văn thư của Sở Tư pháp	Giờ hành chính	Hồ sơ của người nhận con nuôi
B3	Công chức Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp truy cập Phần mềm Một cửa tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho công chức Phòng HCTP	Công chức Bộ phận TN&TKQ	02 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B4	Công chức Phòng HCTP kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, công chức dự thảo văn bản gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đề nghị bổ sung hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, công chức soạn thảo Thông báo tìm gia đình cho trẻ em trên phạm vi cấp tỉnh	- Công chức Phòng HCTP	04 giờ	-Văn bản gửi Sở Y Tế đề nghị bổ sung hồ sơ. -Thông báo tìm gia đình cho trẻ em

B5	Trưởng phòng HCTP. Trưởng phòng HCTP xem xét: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	
B6	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Thông báo; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	
B7	Văn thư Sở gửi văn bản đi các Cơ quan liên quan để đăng Thông báo. Trong thời gian 60 ngày, nếu cha mẹ đẻ, thân nhân của trẻ em, công dân Việt Nam nhận trẻ em về nuôi dưỡng hoặc làm con nuôi thì công chức Phòng HCTP hướng dẫn công dân (Quy trình kết thúc tại Sở Tư pháp)	Văn thư Công chức phòng HCTP	02 giờ	
B8	Hết thời hạn Thông báo (60 ngày) mà không có cha mẹ đẻ, thân nhân của trẻ em, công dân Việt Nam nhận trẻ em về nuôi dưỡng hoặc làm con nuôi thì công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản gửi <i>Bộ Tư pháp để thông báo trên toàn quốc để tìm người Việt Nam thường trú trong nước nhận trẻ em làm con nuôi</i>	Công chức phòng HCTP	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp
B9	Trưởng phòng HCTP xem xét Dự thảo, ký nháy và trình Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp

B10	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Thông báo; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày ngày	Công văn gửi Bộ Tư pháp
B11A	<i>Trường hợp thứ nhất:</i> <i>Đối với trường hợp có người Việt Nam thường trú ở trong nước đã đăng ký nhu cầu nhận con nuôi:</i> - Công chức Phòng HCTP liên hệ với người đã đăng ký nhu cầu nhận con nuôi, nếu họ đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi thì dự thảo văn bản giới thiệu người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi đến UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. - Trình Trưởng phòng HCTP dự thảo	Công chức Phòng HCTP	05 ngày	Dự thảo công văn gửi UBND cấp xã
B12A	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn
B13A	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B14A	- Công chức phòng HCTP Giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người đăng ký nhận con nuôi (Quy trình tại Sở Tư pháp kết thúc)	- Công chức Phòng HCTP - Người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi	04 giờ	- Công văn gửi UBND cấp xã - Bản chụp hồ sơ trẻ em

B11B	<i>Trường hợp thứ hai: Nếu không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi</i> - Sở Tư pháp gửi danh sách trẻ em cho Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi trên phạm vi toàn quốc.	Công chức Phòng HCTP	07 ngày	- Công văn bổ sung hồ sơ. - Danh sách trẻ em gửi Bộ Tư pháp - Công văn đề nghị Công an Thành phố xác minh nguồn gốc trẻ em - Công văn/Giấy mời về việc lấy ý kiến người có liên quan đến việc cho trẻ em làm con nuôi
B12B	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản Danh sách trẻ em gửi Bộ Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi trên phạm vi toàn quốc và trình Trưởng phòng HCTP xem xét	Công chức phòng HCTP	4 giờ	Công văn,
B13B	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi Bộ Tư pháp - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng phòng HCTP	4 giờ	Công văn
B14B	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 giờ	Công văn

B14B.A	<i>Trường hợp có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi</i>			
B14B.A.1	Công chức phòng HCTP tiến hành kiểm tra điều kiện của người nhận con nuôi, và giới thiệu cho người nhận con nuôi đến UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi để xem xét, giải quyết.			
B14B.A.2	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã	Công chức phòng HCTP	4 giờ	Công văn
B14B.A.3	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo văn bản gửi UBND cấp xã - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn
B14B.A.4	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày	Công văn
B14B.A.5	- Công chức phòng HCTP Giao 01 bộ hồ sơ trẻ em cho người đăng ký nhận con nuôi (Quy trình tại Sở Tư pháp kết thúc)	- Công chức Phòng HCTP - Văn thư Sở - Người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi	04 giờ	- Công văn gửi UBND cấp xã - Bản chụp hồ sơ trẻ em

B14B.B	<i>Trường hợp không có công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em làm con nuôi</i> <i>Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, Sở Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của trẻ em và đối chiếu với các quy định về đối tượng, độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi, trường hợp phải thông qua thủ tục giới thiệu, trường hợp được nhận con nuôi đích danh; hồ sơ phải có đủ các giấy tờ hợp lệ.</i> <i>-Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em</i>			Thông báo của Bộ Tư pháp
B14B.B1	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo công văn - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B14B.B2	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét dự thảo, ký Văn bản hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày	Công văn
B14B.B.3	Công an Thành phố xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi.	Công an Thành phố	30 ngày	Công văn trả lời kết quả xác minh
B14B.B.4	Văn thư Sở nhận văn bản do Công an Thành phố chuyển đến, nhập Hệ thống văn bản trình Lãnh đạo Sở cho ý kiến chỉ đạo.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn trả lời kết quả xác minh

B14B.B.5	Lãnh đạo Sở chuyển Trưởng phòng HCTP để giải quyết.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Công văn
B14B.B.6	Trưởng phòng HCTP chuyển văn bản công chức Phòng để tiếp tục thực hiện.	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn
B16B.B.8 B14B.B.7	Công chức Phòng HCTP căn cứ nội dung văn bản trả lời kết quả xác minh của Công an Thành phố để thực hiện trình tự giải quyết. - Nếu không xác định được cha mẹ đẻ của trẻ em thực hiện tiếp từ bước B8B.B.18 đến kết thúc Quy trình - Nếu kết quả xác minh có thông tin về cha mẹ đẻ nhưng không liên hệ được với cha, mẹ đẻ trẻ em thì công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản niêm yết tại trụ sở Sở Tư pháp về việc trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài và văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha, mẹ đẻ trẻ em niêm yết về việc trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài, thực hiện tiếp từ B16B.B.17 đến khi kết thúc quy trình - Nếu liên hệ được với cha, mẹ đẻ trẻ em thì công chức Phòng HCTP thực hiện từ bước B16B.B.14 đến hết quy trình.	- Công chức Phòng HCTP - Cha mẹ đẻ trẻ em	07 ngày	Dự thảo công văn
B16B.B.9 B14B.B.8	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo văn bản niêm yết, Công văn

B16B.B.10 B14B.B.9	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Công văn
B16B.B.11 B14B.B.10	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy sổ, và gửi văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Dự thảo văn bản niêm yết, Công văn gửi UBND cấp xã
B16B.B.12 B14B.B.11	Thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan	- Sở Tư pháp - UBND cấp xã	60 ngày	văn bản niêm yết
B16B.B.13 B14B.B.12	Hết thời gian niêm yết mà không có cha mẹ đẻ hoặc thân nhân hoặc người trong nước xin nhận trẻ về nuôi hoặc làm con nuôi, công chức Phòng HCTP soạn thảo văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em có văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Sau khi Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em gửi văn bản đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài thì công chức Phòng HCTP thực hiện tiếp bước B16B.B.17 đến hết quy trình	Công chức Phòng HCTP		
B16B.B.14 B14B.B.13	Công chức Phòng HCTP thực hiện: - Lấy ý kiến cha mẹ đẻ trẻ em về việc cho con làm con nuôi nước ngoài; Trình Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và văn bản dự thảo	- Công chức Phòng HCTP	05 ngày	- Biên bản lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con

	- Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác thì, công chức phòng HCTP dự thảo văn bản đề nghị Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài. (Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tư pháp Hà Nội, Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em cư trú tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi nước ngoài và gửi văn bản lấy ý kiến về Sở Tư pháp Hà Nội). Sau khi nhận được văn bản lấy ý kiến, Quy trình tiếp tục được thực hiện từ bước B16B.B.17 tới khi kết thúc quy trình. - Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng trẻ em gửi văn bản thể hiện đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài - Trình Trưởng phòng HCTP báo cáo Lãnh đạo Sở ký xác nhận chữ ký công chức trong văn bản.	- Cha, mẹ đẻ trẻ em - Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng		nuôi nước ngoài - Công văn đề nghị Sở Tư pháp nơi cha đẻ, mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài - Văn bản đồng ý
B16B.B.15 B14B.B.14	Trưởng phòng HCTP trình Lãnh đạo Sở ký xác nhận	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	- Biên bản lấy ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài - Văn bản đồng ý

B16B.B.16 B14B.B.15	Thời hạn cha mẹ đẻ, người giám hộ trẻ em thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi	Cha mẹ đẻ, người giám hộ trẻ em	30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.	
B16B.B.17 B14B.B.16	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài báo cáo Bộ Tư pháp và trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo Công văn
B16B.B.18 B14B.B.17	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Công văn
B16B.B.19 B14B.B.18	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn
B16B.B.20 B14B.B.19	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số và gửi văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn gửi Bộ Tư pháp nuôi kèm theo hồ sơ
B16B.B.21 B14B.B.20	Văn thư Sở nhận văn bản do Bộ Tư pháp chuyển đến, nhập hệ thống xử lý văn bản của cơ quan để Lãnh đạo Sở cho ý kiến chỉ đạo	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B16B.B.22 B14B.B.21	Lãnh đạo Sở chuyển Trưởng phòng HCTP để giải quyết	Lãnh đạo Sở	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ
B16B.B.23 B14B.B.22	Trưởng phòng HCTP chuyển công chức Phòng HCTP để giải quyết	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Công văn kèm theo hồ sơ

B16B.B.24 B14B.B.23	Công chức Phòng HCTP nghiên cứu hồ sơ của người nhận con nuôi do Bộ Tư pháp chuyển. <i>Nếu người nhận con nuôi nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc diện được nhận đích danh làm con nuôi thì Công chức Phòng HCTP tổng hợp hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi thành bộ hồ sơ hoàn chỉnh, soạn thảo Tờ trình UBND Thành phố và trình Trưởng phòng HCTP</i>	Công chức Phòng HCTP	03 ngày	Dự thảo Tờ trình
B16B.B.25 B14B.B.24	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ và văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng Phòng HCTP	02 ngày	Dự thảo tờ trình
B16B.B.26 B14B.B.25	Lãnh đạo Sở xem xét dự thảo, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ
B16B.B.27	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Tờ trình
B16B.B.28	Công chức Phòng HCTP chuyển hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố	- Công chức Phòng HCTP - Công chức Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố	01 ngày	Tờ trình kèm theo hồ sơ và dự thảo Quyết định của UBND Thành phố

B16B.B.29	UBND Thành phố Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.	UBND Thành phố	15 ngày	Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài
B16B.B.30	Công chức Phòng HCTP nhận Quyết định và hồ sơ tại Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố	- Công chức Bộ phận TN&TKQ/Văn thư của VPUBND Thành phố - Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Quyết định kèm theo hồ sơ
B16B.B.31	Công chức Phòng HCTP soạn thảo thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	01 ngày	Dự thảo thông báo
B16B.B.32	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu rõ lý do	Trưởng Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo thông báo
B16B.B.33	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét dự thảo, ký Văn bản.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Thông báo
B16B.B.34	Công chức Phòng HCTP chuyển Văn thư Sở vào sổ công văn, lấy số và gửi Văn bản.	Văn thư Sở	04 giờ	Thông báo gửi người nhận con nuôi.

B16B.B.35	- Công chức Phòng HCTP ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi; soạn thảo Biên bản giao nhận con nuôi, chuẩn bị Lễ giao nhận con nuôi. - Công chức Phòng HCTP bàn giao Quyết định, Biên bản giao nhận con nuôi, Sổ cho công chức Bộ phận Một cửa	- Công chức Phòng HCTP - Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	Quyết định; Sổ đăng ký nuôi con nuôi; Biên bản giao nhận con nuôi
B16B.B.36	Thực hiện thủ tục giao nhận con nuôi giữa Bên giao và Bên nhận; Trình Lãnh đạo Sở ký Biên bản giao nhận con nuôi.	- Công chức Bộ phận Một cửa - Công chức Phòng Hành chính tư pháp - Bên giao và Bên nhận con nuôi, trẻ em được nhận làm con nuôi	01 ngày	Quyết định, Biên bản giao nhận và Sổ đăng ký nuôi con nuôi
B16B.B.37	Công chức Phòng HCTP dự thảo văn bản về việc đã giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài gửi Bộ Tư pháp và UBND cấp xã nơi thường trú của trẻ em, trình Trưởng phòng HCTP	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo công văn
B16B.B.38	Trưởng phòng HCTP xem xét hồ sơ, văn bản dự thảo, trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo công văn
B16B.B.39	Lãnh đạo Sở xem xét văn bản dự thảo do Trưởng phòng HCTP trình ký.	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày	Công văn

B16B.B.40	Công chức Phòng HCTP chuyển văn thư Sở vào sổ công văn, lấy sổ và gửi văn bản gửi Bộ Tư pháp và UBND cấp xã.	Văn thư Sở	04 giờ	Công văn, Quyết định về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài, Biên bản giao nhận con nuôi
4	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			
	Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em được nhận làm con nuôi theo mẫu (Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Thông tư số 07/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và ưu trừ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi)			

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Bà),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive
mother's photo,
4 x 6 cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ảnh chân dung
của người nhận
con nuôi (Ông),
kích cỡ 4 x 6 cm
*Prospective
adoptive father's
photo,
4 x 6 cm*

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM
LÀM CON NUÔI NƯỚC NGOÀI

(Sử dụng cho trường hợp nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng)

APPLICATION FOR INTERCOUNTRY ADOPTION OF A VIETNAMESE CHILD

(Used for adoption of a child living in an institution)

Kính gửi: Bộ Tư pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of the Socialist Republic of Vietnam

1. Phần khai về người nhận con nuôi/*Information of prospective adoptive parent(s)*

Thông tin/Information	Ông/Mr	Bà/Ms
Họ, chữ đệm, tên / <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh/ <i>Date of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Hộ chiếu/ <i>Passport</i> 121		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi cư trú/ <i>Place of residence</i>		
Điện thoại/ thư điện tử/ <i>Phone number/email</i>		

2. Nguyên vọng về trẻ em được nhận làm con nuôi/Desire for adopting a child with

Độ tuổi/Age:.....

Giới tính/Sex:

Tình trạng sức khỏe/Health status:

Các đặc điểm khác (nếu có)/other characteristics (if any):.....

3. Phần cam đoan/Declaration

Chúng tôi/Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/Tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định pháp luật. Chúng tôi/Tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết./.

We/I hereby certify that the above statements are true and the application for adoption is voluntary, for the purpose of establishing a long-term, sustainable parent-child relationship in the best interest of the child. We/I commit to take care, nurture and educate the child as we/I do for our/my biological child, and fulfill all parental obligations towards the child in accordance with the law. We/I commit, every 6 months for a period of 03 years as of the date of handover of the adopted child, to send reports on the development of the child (with photos) to the Ministry of Justice and the Representative Mission of Vietnam in the country where we/I permanently reside.

We/I would like to submit to Ministry of Justice for consideration and approval of the application.

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....

Done in....., on day..... month.....year.....

ÔNG/Mr BÀ/Ms

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

(Signature, full name) (Signature, full name)

VĂN BẢN
VỀ ĐẶC ĐIỂM, SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM
ĐƯỢC NHẬN LÀM CON NUÔI

I. THÔNG TIN VỀ TRẺ EM

1. Họ, chữ đệm, tên:Nam ☐ Nữ ☐

2. Ngày, tháng, năm sinh:.....

3. Nơi cư trú:.....

.....

4. Hoàn cảnh gia đình:

Bị bỏ rơi:

Mồ côi cả cha và mẹ:

Hoàn cảnh đặc biệt khác (nêu rõ):

II. ĐẶC ĐIỂM VỀ THỂ CHẤT, PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG, TÂM LÝ

1. Tiền sử cá nhân (sinh thường/sinh non, tuần sinh, cân nặng lúc sinh, có mắc bệnh gì lúc sinh không):.....

2. Tiền sử gia đình (cha, mẹ đẻ có mắc bệnh tâm thần, truyền nhiễm hoặc các bệnh hiểm nghèo khác không):

3. Phát triển thể chất, tâm thần vận động:

Chiều cao..... Cân nặng.....

Sức khỏe hiện tại:

Bình thường

Khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo

Nếu bị khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì nêu rõ:

Loại khuyết tật, bệnh hiểm nghèo:.....

.....

Có đang được điều trị không?

Không

Có

Nếu “có”, nêu thuốc đang dùng và cách điều trị:

.....

4. Khả năng vận động, tương tác, ngôn ngữ:

Vận động (nêu rõ khả năng trườn, bò, đi, đứng, ngồi, cầm nắm đồ vật... của trẻ em nhỏ tuổi, độ tuổi của trẻ em khi đạt được những khả năng đó):

.....

Tương tác (nêu rõ khả năng tiếp xúc của trẻ em với những trẻ khác, cô trông trẻ, người lạ; dễ tiếp xúc hay khó gần; khả năng chú ý, tập trung của trẻ em, thích/không thích được ẵm bế, an ủi, sợ tiếng động lớn; có thái độ hay lo âu, cáu giận không... Trẻ em trên 05 tuổi thích xem phim/đọc truyện/chơi thể thao...):.....

Ngôn ngữ (Tập nói, biết nói vài từ, câu đầy đủ chưa, phát âm dễ dàng hay khó khăn, ngôn ngữ cử chỉ đối với trẻ em khiếm thính. Đối với trẻ em trên 05 tuổi cần đánh giá khả năng diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc của trẻ, khả năng đọc, viết chính tả, đọc truyện thành lời, nói lắp hay không, nói, viết có rõ nghĩa không...):.....

Trẻ em có gặp vấn đề gì đặc biệt không?

Trẻ em có đang phải trị liệu vấn đề gì không?

Không

Có

Nếu “có”, đề nghị nêu rõ việc trị liệu (ngôn ngữ, vận động...):.....

III. SỞ THÍCH, THÓI QUEN ĐÁNG LƯU Ý CỦA TRẺ EM:

1. Sở thích (Nêu sở thích nổi bật của trẻ em về ăn uống, vui chơi, âm nhạc, vận động...):.....

2. Thói quen đáng lưu ý của trẻ em (thói quen về ăn uống, loại thức ăn bị dị ứng; thói quen về sinh hoạt, giờ giấc (tư thế ngủ, ngủ có đèn hay tắt đèn, đồ vật cầm khi ngủ; trẻ em trên 05 tuổi có thói quen nào đặc biệt nhất trong sinh hoạt, học tập và giao tiếp):.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

1 Chỉ thực hiện đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng.

2 Đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì nhân viên của cơ sở nuôi dưỡng lập báo cáo, đối với trẻ em thuộc diện cháu ruột thì cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em lập báo cáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI¹**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. PHẦN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Chúng tôi/Tôi là người ký tên dưới đây:

Ông:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:

Nơi cư trú:

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân³:.....

Nơi cư trú:

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ

Đồng ý cho người có tên dưới đây được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁴:

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

II. PHẦN CAM ĐOAN

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, chúng tôi/tôi đồng ý cho trẻ em có tên nêu trên được nhận làm con nuôi⁵:

☐ trong nước

☐ nước ngoài

Chúng tôi/Tôi xin khẳng định như sau:

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào.

2. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng, việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng kể từ ngày giao nhận con nuôi, chúng tôi/tôi không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi.

Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

4. Chúng tôi/Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), chúng tôi/tôi có thể thay đổi ý kiến về việc cho người có tên nêu trên làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu chúng tôi/tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định pháp luật.

NGƯỜI LÀM CHỨNG

Tôi tên là....., số Căn cước
công dân/Chứng minh nhân dân

.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến
việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

CHA, MẸ ĐỂ/

NGƯỜI GIÁM HỘ

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

III. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN⁸

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....

- Công tác tại:.....

- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc đồng ý cho trẻ em..... làm con nuôi.

Những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

IV. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁸

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....,
là người đã tiến hành lấy ý kiến về việc cho trẻ em.....
..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

- 1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho những người liên quan theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.
- 2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 4 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 5 Đánh dấu vào ô tương ứng phía dưới.
- 6 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.
- 7 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.
- 8 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO CHA, MẸ ĐỂ, NGƯỜI GIÁM HỘ
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên Ông:.....

Là: ☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ

Họ, chữ đệm, tên Bà:.....

Là: ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ

Của người có tên dưới đây được cho làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch⁹:.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi cư trú:.....

II. Nội dung tư vấn

1. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi chỉ được thực hiện khi gia đình không còn điều kiện và khả năng thực tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Ông/Bà đã xem xét khả năng và điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em chưa?

☐ Chúng tôi/Tôi không có khả năng và điều kiện để tiếp tục, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em.

☐ Ý kiến khác:

2. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho Ông/Bà để có được ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi.

☐ Chúng tôi/Tôi hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

☐ Ý kiến khác:

3. Khi đồng ý cho trẻ em làm con nuôi người khác, Ông/Bà sẽ không còn là cha, mẹ của trẻ em sau khi việc đăng ký nuôi con nuôi đã hoàn tất theo quy định pháp luật¹⁰.

Cha, mẹ nuôi sẽ trở thành cha, mẹ của trẻ em. Việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi sẽ làm phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi, giống như quan hệ cha mẹ và con giữa cha mẹ đẻ và con đẻ.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

☐ Ý kiến khác:

4. Ông/Bà không thể đòi lại trẻ em đã cho làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

5. Sau khi con đã cho làm con nuôi, Ông/Bà không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi, trừ khi có thỏa thuận khác.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu, chúng tôi không có thỏa thuận khác.

☐ Ý kiến khác:

6. Con nuôi có thể thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

7. Ông/Bà có thời gian suy nghĩ là 30 ngày kể từ ngày lấy ý kiến (từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....) về việc thay đổi ý kiến đồng ý cho trẻ em làm con nuôi. Nếu Ông/Bà thay đổi ý kiến thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký nuôi con nuôi trong thời hạn nêu trên.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

8. Nếu Ông/Bà đồng ý cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài:

a) Con của Ông/Bà sẽ được đưa sang một nước khác sinh sống cùng cha, mẹ nuôi là người nước ngoài.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

b) Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và con được nhận làm con nuôi sẽ chấm dứt.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

c) Trường hợp con nuôi là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, nếu pháp luật nước ngoài cho phép, mối quan hệ giữa cha, mẹ đẻ và trẻ em mới được duy trì.

☐ Chúng tôi/Tôi đã hiểu

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Người được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

9 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

10 Trường hợp trẻ em được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

11 Trong trường hợp cha, mẹ đẻ, người giám hộ không biết đọc, viết hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN
VỀ VIỆC ĐỒNG Ý LÀM CON NUÔI¹

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại²

I. THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch³:

Số định danh cá nhân:

Nơi cư trú:

.....

Sau khi đã được tư vấn đầy đủ về các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, tôi đồng ý được nhận làm con nuôi và xin khẳng định như sau:

1. Tôi đồng ý được nhận làm con nuôi một cách tự nguyện, không bị ép buộc.
2. Tôi hiểu rằng việc làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định giữa con nuôi và cha, mẹ nuôi.
3. Tôi đã được tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi.
4. Tôi hiểu rằng tôi có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.
5. Tôi hiểu rằng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....), tôi có thể thay đổi ý kiến về việc được nhận làm con nuôi. Hết thời hạn này, nếu tôi không thay đổi ý kiến thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành giải quyết việc nuôi con nuôi.

NGƯỜI LÀM CHỨNG⁴

Tôi tên là....., số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân⁵:.....

.....

đã có mặt tại buổi lấy ý kiến, chứng kiến việc lấy ý kiến cho trẻ em làm con nuôi.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN

“Đã đọc lại/nghe đọc lại”

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

- Họ, chữ đệm, tên của người lấy ý kiến:.....
- Công tác tại:.....
- Cam đoan đã tư vấn đầy đủ theo nội dung của Phụ lục Văn bản tư vấn cho người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc đồng ý làm con nuôi. Người/những người có tên trên đã ký tên/điểm chỉ trước mặt tôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẤY Ý KIẾN⁷

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà.....
là người đã tiến hành lấy ý kiến của người có tên.....
về việc đồng ý làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Trước khi thực hiện thủ tục lấy ý kiến đồng ý làm con nuôi, công chức Sở Tư pháp phải tư vấn cho người từ đủ 9 tuổi trở lên theo nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

2 Ghi nơi tiến hành thủ tục lấy ý kiến.

3 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4 Trong trường hợp lấy ý kiến của trẻ em phải có người làm chứng.

5 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

6 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

7 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì công chức Sở Tư pháp lấy ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

PHỤ LỤC
VĂN BẢN TƯ VẤN CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 09 TUỔI TRỞ LÊN ĐƯỢC
NHẬN LÀM CON NUÔI

(Dùng cho công chức Sở Tư pháp khi tiến hành thủ tục lấy ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi trong nước hoặc nước ngoài)

I. Người được tư vấn

Họ, chữ đệm, tên:

II. Nội dung tư vấn

1. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu sẽ sống với một gia đình khác, có cha, mẹ khác sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

☐ Cháu hiểu

2. Những quan hệ pháp lý giữa cha, mẹ đẻ và cháu sẽ chấm dứt kể từ ngày cháu được nhận làm con nuôi⁸.

☐ Cháu hiểu

3. Sau khi được nhận làm con nuôi, cháu có thể được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

☐ Cháu hiểu

4. Cháu có thời hạn 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến để thay đổi ý kiến về việc làm con nuôi.

☐ Cháu hiểu

5. Không ai được lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn trả tiền hoặc trả tiền cho cháu để có được ý kiến đồng ý cho cháu làm con nuôi

☐ Cháu hiểu và cam đoan không có sự lừa dối, dụ dỗ, hứa hẹn hoặc trả tiền.

6. Nếu được làm con nuôi nước ngoài, cháu sẽ sống với gia đình cha mẹ nuôi là người nước ngoài, sinh sống ở nước ngoài và nói tiếng nước ngoài.

☐ Cháu hiểu

Ngày..... tháng..... năm.....

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Người từ đủ 09 tuổi trở lên được tư vấn

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên/điểm chỉ⁹)

8 Trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên được cha dượng/mẹ kế nhận làm con nuôi thì mẹ đẻ/cha đẻ vẫn là mẹ/cha hợp pháp của con đã được nhận làm con nuôi.

9 Trong trường hợp người từ đủ 9 tuổi trở lên không biết đọc, viết.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**VĂN BẢN THỂ HIỆN Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
 NUÔI DƯỠNG VỀ VIỆC CHO TRẺ EM LÀM CON NUÔI**

I. Ý KIẾN ĐỒNG Ý CỦA GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân¹:

Cam đoan những nội dung sau đây:

1. Tôi đồng ý cho trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân:

Quốc tịch²:.....

Nơi cư trú:

2. Tôi tự nguyện cho trẻ em làm con nuôi, không bị ép buộc, không có bất cứ sự đền bù hay thỏa thuận vật chất nào. Tôi hiểu việc cho trẻ em làm con nuôi sẽ phát sinh mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, ổn định giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

3. Tôi hiểu rằng nuôi con nuôi là biện pháp chăm sóc thay thế tốt nhất, bảo đảm trẻ em phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Tôi cam đoan những nội dung trên đây là đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, con dấu)

II. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI³

- Họ, chữ đệm, tên:.....

- Công tác tại:

Đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người có tên nêu trên về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

III. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI³

Xác nhận chữ ký trên là của Ông/Bà..... là người đã tiếp nhận văn bản thể hiện ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em..... làm con nuôi.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

1 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022.

Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.

2 Áp dụng trong trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

3 Nếu là trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, công chức Sở Tư pháp tiếp nhận ý kiến, Giám đốc Sở Tư pháp xác nhận.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /STP-HCTP
V/v xác nhận trẻ em đủ điều
kiện làm con nuôi nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú²:

Thuộc đối tượng³:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định như sau:.....⁴. Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em đã được thực hiện theo quy định pháp luật nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi. Những người liên quan (.....⁵) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

Thuộc đối tượng⁶ 30:....., có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Những người liên quan (.....⁷) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện⁸:

.....

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của người từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-9
- Lưu: VT,....10

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

- 1 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.
- 2 Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng.
- 3 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng. Ghi rõ trẻ em thuộc một trong các đối tượng sau: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.
- 4 Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh.
- 5 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 6 Áp dụng đối với trẻ em đang sống tại gia đình. Ghi rõ trẻ em là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi.
- 7 Ghi rõ cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.
- 8 Theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo quy định tại Điều 36 của Luật Nuôi con nuôi hoặc đích danh theo khoản 2 Điều 28 của Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.
- 9 Trường hợp trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì bổ sung Sở Y tế (để theo dõi) và cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp)..
- 10 Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của..... tại Tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông/Bà có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Nhận người dưới đây làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

.....

Điều 2. Kể từ ngày giao nhận con nuôi, giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi phát sinh mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, ổn định. Cha, mẹ nuôi và con nuôi có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con; giữa con nuôi và các thành viên khác trong gia đình của cha mẹ nuôi cũng có các quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo quy định của pháp luật Việt Nam. Cha, mẹ đẻ không còn quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã được cho làm con nuôi. Con nuôi được thay đổi, bổ sung hộ tịch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

Điều 4. Giám đốc Sở Tư pháp và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- UBND cấp xã nơi trẻ em cư trú;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH***Vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi**Số đăng ký.....**Quyển số.....**Ngày..... tháng..... năm.....*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CON NUÔI

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
tại trụ sở¹ đã tổ chức lễ giao nhận con nuôi với những nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹:.....

Đại diện là:

Ông/Bà:

Chức vụ:

2. Người được nhận làm con nuôi:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Quốc tịch:.....

Số định danh cá nhân:

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:

3. Người nhận con nuôi²:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Hộ chiếu ³		
Nơi cư trú		

4. Người giao con nuôi⁴:

	Ông	Bà
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số Căn cước công dân		
Nơi cư trú		

Quan hệ với người được nhận làm con nuôi: ☐ Cha đẻ ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ
☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi

Biên bản này được làm thành 06 bản, 01 bản trao cho cha mẹ nuôi, 01 bản trao cho cha mẹ đẻ/người giám hộ/đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng, 01 bản lưu tại cơ quan đăng ký nuôi con nuôi và 01 bản gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Nuôi con nuôi (đối với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài).

**Đại diện cơ quan
đăng ký nuôi con nuôi**
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bên giao
*(Ký, ghi rõ họ, chữ
đệm, tên/điểm chỉ)*

Bên nhận
*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm,
tên/điểm chỉ)*

- 1 Ghi tên của Sở Tư pháp nơi tổ chức giao nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.
- 2 Đối với trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, nếu người nhận con nuôi là vợ hoặc chồng được ủy quyền của người kia để có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Nuôi con nuôi thì chỉ ghi thông tin của người có mặt tại lễ giao nhận con nuôi.
- 3 Ghi rõ loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: Căn cước công dân số 033181012161, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/12/2022; Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015. Trường hợp không có Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân thì có thể sử dụng giấy tờ có giá trị thay thế khác.
- 4 Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng thì người giao con nuôi là đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Số: /

**TRÍCH LỤC NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI
(BẢN SAO)**

Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:

Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:

.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quốc tịch:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu:.....

Hộ chiếu:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nơi cư trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

.....

Họ, chữ đệm, tên con nuôi:..... **Giới tính:**.....

Ngày, tháng, năm sinh:Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:.....

Nơi sinh:.....

Nơi cư trú:.....

Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số..... do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày..... tháng..... năm.....

Việc nuôi con nuôi đã được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, số..... ngày..... tháng..... năm.....

Thực hiện trích lục từ Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, dấu)

1 Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao trích lục hộ tịch.

2 Ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 02/02/2015.

(Xem tiếp Công báo số 271+272)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn